

Bản án số: 90/2019/DS-ST

Ngày: 07/8/2019

“V/v tranh chấp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang
2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1956; Địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh, xã L, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Tổ 2, ấp Mỹ Thạnh, xã L, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 28/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Do quan hệ quen biết với nhau nên bà có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi, bà tham gia chơi hụi với bà T từ năm 2015, bà tham gia chơi 07 dãy hụi, nhưng chưa kết thúc các dãy hụi theo hợp đồng thì bà T tuyên bố vỡ hụi và trả lại vốn đã đóng cho những người tham gia chơi hụi. Ngày 10/7/2017, bà T chốt lại tiền thiếu các dãy hụi mà bà T còn thiếu của bà số tiền là 149.000.000 đồng. Bà T giấy ghi giấy chốt nợ tổng cộng là 149.000.000 đồng và bà T có ký tên. Bà T cam kết phía dưới giấy tổng cộng nợ nội dung là cuối tháng 10 hoặc tháng 11 trả cho chị tư là 25.000.000 đồng. Khi đến hẹn, nhiều lần bà yêu cầu bà T trả số tiền cho bà như bà T đã hứa và cam kết như trong giấy nợ nhưng đến nay bà T vẫn không thực hiện. Số tiền bà T thừa nhận đây là số tiền gốc mà bà đã đóng chứ không có lãi.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi theo hai bên đã thỏa thuận là 149.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc, bà có yêu cầu bà T có trách nhiệm cho bà số tiền nợ hụi theo hai bên đã thỏa thuận là 149.000.000 đồng, bà không có yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng bà T vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 19 tháng 7 năm 2019, bà T vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay và đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Hồng T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- *Nội dung vụ án:* Do có quen biết với nhau nên giữa bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị Hồng T có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc cùng tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi từ năm 2015. Bà B tham gia chơi hụi với bà T gồm 07 dãy hụi, theo bà B thì cả 07 dãy hụi này đều đã thực hiện xong. Đến ngày 10/7/2018, giữa bà B và bà T cùng ngồi lại và tính toán số tiền nợ mà bà T còn nợ của bà B, bà T tính và chốt lại số tiền còn thiếu của bà là 149.000.000 đồng. Bà T ghi giấy với nội dung: "... Tổng cộng: 149.000.000 đồng (Một trăm bốn chín triệu)... và nội dung cuối tháng 10 hoạt tháng 11 trả cho chị tư trả cho chị 25 triệu..." và bà T ký tên, bà T hứa trả dần nhưng đến thời gian bà T cam kết trả, bà B đòi nhiều lần đến nay bà T vẫn chưa thực hiện việc trả nợ cho bà B.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà B và bà T cùng thực hiện việc giao kết chơi hụi với nhau, mặc dù không có giấy tờ hợp đồng cụ thể nhưng hai bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết và thực hiện một thời gian dài. Sau khi kết thúc hợp đồng, bà T thừa nhận còn thiếu số tiền nợ hụi của bà B là 149.000.000 đồng và ghi giấy tính kết thúc nợ với bà B. Như vậy, căn cứ vào giấy tay mà do bà B cung cấp và bà B cho rằng do bà T tự viết là bà T thừa nhận nợ thì hiện tại bà T còn thiếu bà B số tiền nợ hụi là 149.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền nợ hụi của bà B yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả lại số tiền nợ hụi là 149.000.000 đồng là có căn cứ, bà B nhiều lần đòi nợ bà T nhưng bà T không thực hiện việc trả nợ cho bà B. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà B theo hợp đồng đã thỏa thuận, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà B nên việc bà B khởi kiện yêu cầu bà T hủy

phải trả lại số tiền nợ hui l à 149.000.000 đồng là có cơ sở, x ế y ầu của b à B l à phù hợ n ên Hội đồng x ế xử chấp nhận.

Hội đồng x ế xử x ế thấy đối với b à T Tòa án đã tiên h ành triệu tập hợ lệ nhưng b à T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, b à T đương nhiên từ bỏ quyền lợi tr ình b ày của m ình tại t òa và b à T đã tự bỏ quyền cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền v à lợi ích hợ ph áp của b à, Hội đồng x ế xử không thể xem x ế y ầu của b à T được, c ó căn cứ chấp nhận y ầu của nguyên đơn là phù hợ.

Về l ấ suất: B à B không y ầu t ình l ấ, Hội đồng x ế xử x ế thấy đây là sự tự nguyện của b à B không tr ấ với quy định của ph áp luật và đạo đức x ã hội n ên Hội đồng x ế xử không xem x ế về l ấ suất.

Từ những ph ãn t ích tr ãn, buộc b à Nguyễn Thị Hồng T phải c ó tr ách nhiệm trả cho b à Nguyễn Thị B số tiền nợ hui l à 149.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu đồng*).

Về án ph í Buộc b à Nguyễn Thị Hồng T c ó tr ách nhiệm phải chịu 5% án ph í d ãn sự sơ thẩm theo quy định l à 7.450.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

B à Nguyễn Thị B thuộc trường hợ miễn án ph í quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ng ày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, gi ảm, thu, nộp, quản lý v à sử dụng án ph í v à lệ ph í Tòa án (trường hợ người cao tuổi) .

V ì c ác lẽ tr ãn,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật d ãn sự; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tổ tụng d ãn sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ng ày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, gi ảm, thu, nộp, quản lý v à sử dụng án ph í v à lệ ph í T òa án, Tuy ên xử:

1. Chấp nhận y ầu khởi kiện của nguyên đơn là b à Nguyễn Thị B về việc y ầu b à Nguyễn Thị Hồng T c ó tr ách nhiệm trả lại cho b à Nguyễn Thị B số tiền nợ hui l à 149.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu đồng*).

2. Buộc b à Nguyễn Thị Hồng T c ó tr ách nhiệm trả cho b à Nguyễn Thị B số tiền l à nợ hui l à 149.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ng ày bản án c ó hiệu lực ph áp luật, kể từ ng ày b à Nguyễn Thị B c ó đơn y ầu thi h ành án, nếu b à Nguyễn Thị Hồng T chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng b à Nguyễn Thị Hồng T còn phải trả cho b à Nguyễn Thị B số tiền l ấ số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật D ãn sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án ph í d ãn sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 7.450.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị B thuộc trường hợp miễn án phí

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền